

Danh sách hộ trợ nhà ở cho Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ (Kèm theo Công văn số /PKT ngày /6/2026 của Phòng Kinh tế xã Ba Đình)																			
TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (TNLS)	Số sổ (NCC và TNLS)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Hộ có đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m²)	Hiện trạng nhà ở (đánh số 1 vào cột hiện trạng nhà ở tương ứng)			Nhu cầu hỗ trợ (đánh số 1 vào cột nhu cầu tương ứng)		Thực trạng đất ở (đánh số 1 vào cột thực trạng tương ứng)		
												Không có nhà ở	Nhà tạm, đột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
I	Số hộ đủ điều kiện được phê duyệt tại Quyết định 425									35				14		10	4	13	1
1	Phạm Văn Đơn	01-01-1957	Phạm Văn Đơn	21245	con Liệt sỹ Phạm Văn Lã		Hrê	Nước Lang	2	400	16		1		1		1		
2	Phạm Thị Dong (Giang)	01-01-1957	Phạm Thị Dong (Giang)	21290	vợ Liệt sỹ Phạm Văn Thênh		Hrê	Nước Lang	1	400	28		1		1		1		
3	Phạm Văn Lầy	01-01-1959	Phạm Văn Lầy	1354	bệnh binh 45%		Hrê	Nước Lang	3	400	10		1		1		1		
4	Phạm Văn Xê	05-04-1960	Phạm Thị Xích	01253	con Liệt sỹ Phạm Văn Biếu	1	Hrê	Nước Lang	2	400	16		1		1		1		
5	Phạm Văn Rê	19-02-1956	Phạm Văn Rê	74596	Bệnh binh 61%		Hrê	Gò Ghềm	3	400	10		1			1	1		
6	Phạm Văn Hura	20-10-1948	Phạm Văn Hura	25960	Thuowng binh 21%		Hrê	Gò Ghềm	7		9		1			1			1
7	Phạm Văn Vúp (Vúp)	01-01-1954	Phạm Văn Vúp (Vúp)	852	bệnh binh 45%		Hrê	Ka La	2	309	16		1		1		1		
8	Phạm Văn Đi	01-01-1976	Phạm Thị PaRơ	3723	con Liệt sỹ Phạm Văn Sóc		Hrê	Ka La	3	357,7	10		1		1		1		
9	Phạm Thị Long	01-01-1954	Phạm Thị Long	228	Bệnh binh 50%		Hrê	Làng Măng	3	400	10		1		1		1		
10	Phạm Văn Đít	16-09-1958	Phạm Văn Đít	67901	Bệnh binh 61%		Hrê	Làng Măng	2	400	16		1		1		1		
11	Phạm Văn Téo	01-01-1952	Phạm Văn Téo	67895	Bệnh binh 61%	1	Hrê	Làng Măng	2	400	16		1			1	1		
12	Phạm Thị Tộc	01-01-1952	Phạm Thị Tộc	3724	con Liệt sỹ Phạm Văn Bay		Hrê	Kách Lang	1	400	18		1		1		1		
13	Phạm Văn Chia	18-07-1955	Phạm Văn Chia	27882	Thương binh 31%		Hrê	Kách Lang	2	400	14		1			1	1		
14	Phạm Văn Ruông	01-01-1950	Phạm Văn Ruông	370	Bệnh binh 45%		Hrê	Gò Khôn	2	400	16		1		1		1		
II	Số hộ không đủ điều kiện được phê duyệt tại Quyết định 425 không đề xuất phê duyệt									4			2		2		2		
1	Phạm Văn Bu	1959	Phạm Văn Bu		đã hưởng theo qđ 22		Hrê	Gò Ghềm	2	400	16		1		1		1		
2	Phạm Văn Đong	1954	Phạm Văn Đong		đã hưởng theo qđ 22		Hrê	Làng Măng	2	400	16		1		1		1		
III	Số hộ đề nghị bổ sung đủ điều kiện theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính									3			1		1	1			
1	Phạm Văn Đốc	01-01-1962	Phạm Văn Đốc (Đóc)	380	Bệnh binh 45%		Hrê	Kách Lang	3	400	10		1			1	1		
	Tổng cộng(I+II+III)					2	0	0	42			0	17	0	12	5	16	0	1

												Không có nhà ở	Nhà tạm, đột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----------------------	------------------------	---------------------	------------	-------------	---	--	--

[illegible]

Đối với Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số /SNV-NCC ngày /6/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

phủ

[illegible]

[illegible]